TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ V **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Án số: 16 /2024/HNGĐ- ST
Ngày: 17- 4- 2024.
V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ V, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thân Văn Nhàn
Bà Nguyễn Thị Lại
Thư ký phiên toà: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Bắc Giang
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã V, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Sỹ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 19/2024/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 về " *Tranh chấp ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXX ST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Anh Nguyễn Vũ L, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Cư trú tại: Số nhà 23, ngõ 18 đường T, phường Tr, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

- ***Bị đơn*****:** Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Cư trú tại: Số nhà 25, ngõ 35, xóm 5, tổ dân phố N1, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là anh Nguyễn Vũ L trình bày: Anh và chị Th kết hôn ngày 04/10/1996 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tr, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Sau khi cưới vợ chồng anh về nhà sinh sống và làm ăn ngay, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tháng 9 năm 2021 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Th làm ăn vỡ nợ, chị Th bỏ đi nơi khác, không chăm lo gia đình. Vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thị Bảo Ng, sinh năm

2001 và Nguyễn Thái D, sinh năm 1996, các con chung đã trưởng thành anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Vợ chồng không có anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Th là bị đơn: Chị và anh L kết hôn ngày 04/10/21996 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tr, thành phố B. Sau khi kết hôn chị về gia đình nhà chồng làm dâu ngay. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc khoảng năm 2022 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị làm ăn thua lỗ, chị về huyện V làm ăn sinh sống. Sau đó, chị phát hiện anh L có quan hệ ngoại tình. Anh L như vậy, chị khuyên bảo anh L không sửa chữa. Anh L không quan tâm đến chị. Vợ chồng mâu thuẫn như vậy nhưng không cãi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nhất từ tháng 9 năm 2022 (âm lịch) nguyên nhân là do anh L có quan hệ ngoại tình. Vợ chồng ly thân từ tháng 7 năm 2022 đến nay. Sự việc như vậy hai gia đình không hòa giải.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh L xin ly hôn chị không đồng ý, lý do chị không đồng ý là vì con trai chị chưa có gia đình, ngoài ra không có lý do nào khác.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thị Bảo Ng, sinh năm 2001 và Nguyễn Thái D, sinh năm 1996, các con chung đã trưởng thành chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, công sức đóng góp, ruộng đất nông nghiệp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Kết quả xác minh tại địa phương:

-Tổ dân phố N1 cung cấp: Vợ chồng chị Th mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được. Thời gian gần đây địa phương thấy chị Th về tổ dân phố N1 thuê nhà bán hàng. Qua tìm hiểu hàng xóm được biết vợ chồng mâu thuẫn, chị Th bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, hiện nay chị Th bán hàng ở khu chợ Nếnh.

- Tổ dân phố T cung cấp: Anh L và chị Th kết hôn năm 1996 , sau khi cưới vợ chồng anh L về nhà anh L sinh sống hòa thuận. Năm 2021 địa phương không thấy chị Th sinh sống ở nhà anh L. Qua sự việc địa phương tìm hiểu được biết do vợ chồng có mâu thuẫn, chị Th bỏ nhà đi, cụ thể đi đâu địa phương không rõ, nghe nói lại mâu thuẫn vợ chồng là do vấn đề kinh tế dẫn đến xảy ra mâu thuẫn. Từ khi bỏ đi chị Th không về nhà anh L sinh sống nữa .

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp

luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung tranh chấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn để xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Vũ L được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

- Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản, số nợ, công sức đóng góp, ruộng đất nông nghiệp: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

- Án phí: Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh L đã nộp tại Chi cục thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] *Về thẩm quyền*: Anh Nguyễn Vũ L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết ly hôn. Chị Nguyễn Thị Th là bị đơn cư trú tại : Tổ dân phố N1, thị trấn N (nay là phường N), huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân thành phố B chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân huyện V (nay là thị xã V) giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện V nay là thị xã V thụ lý giải quyết là đúng quy định.

[1.2] *Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng*: Anh Nguyễn Vũ L là nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Th là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Anh L và chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Vũ L và chị Nguyễn Thị Th kết hôn ngày 04 tháng 10 năm 1996 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tr, thành phố B, tỉnh Bắc Giang là phù hợp với các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Th làm ăn không bàn bạc với anh L dẫn đến thua lỗ nợ nhiều, chị Th bỏ về huyện V (nay là thị xã V) làm ăn, sinh sống. Ngoài ra, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị Th phát hiện anh L có quan hệ ngoại tình. Anh L như vậy chị Th khuyên bảo nhưng anh L không sửa chữa. Anh L không quan tâm đến chị Th. Vợ chồng mâu thuẫn như vậy nhưng không cãi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nhất từ tháng 9 năm 2022 (âm lịch) nguyên nhân là do anh L có quan hệ ngoại tình. Vợ chồng ly thân từ tháng 7 năm 2022 đến nay.

Kết quả xác minh tại tổ dân phố N và tổ dân phố T cung cấp: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn địa phương không nắm được. Thời gian gần đây chị Th không ở cùng chồng con mà về tổ dân phố N thuê nhà bán hàng. Qua tìm hiểu hàng xóm thì được biết vợ chồng mâu thuẫn, chị Th bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, hiện nay chị Th bán hàng ở khu chợ N.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng anh L, chị Th mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh L xin ly hôn chị không đồng ý vì con trai chưa có gia đình, ngoài tra không có lý do nào khác. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn là phù hợp với Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thị Bảo Ng, sinh năm 2001 và Nguyễn Thái D, sinh năm 1996, các con chung đã trưởng thành các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, ruộng đất nông nghiệp, công sức đóng góp: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, Tòa án anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Vũ L được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

2. *Về con chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp* : Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Anh Nguyễn Vũ L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002294 ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Anh L đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TX V;
- Chi cục THADS TX V;
- Đương sự;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp phường Tr.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Hương

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Vào hồi ……..giờ …….phút ngày 17 tháng 4 năm 2024

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Chủ tọa phiên tòa: bà Bùi Thị Hương

Hội thẩm nhân dân: Ông Thân Văn Nhàn

Bà Nguyễn Thị Lại

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 19/2024/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Vũ Linh

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thủy

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU.

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Vũ Linh được ly hôn chị Nguyễn Thị Thủy.

2. *Về con chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp* : Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Anh Nguyễn Vũ Linh phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002294 ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang. Anh Linh đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ.....phút ngày 17 tháng 4 năm 2024

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe ký tên dưới đây.

Thành viên
Hội đồng xét xử **Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

Thân Văn Nhàn - Nguyễn Thị Lại **Bùi Thị Hương**